

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lâm Hồng Hải.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Hưng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019, hồi 13 giờ 50 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09 /2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 /2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1990. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Nơi cư trú: Ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh L.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Cu Đen, sinh năm 1983. Nghề nghiệp: Làm thuê.

Nơi cư trú: Ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh L.

Bà L có mặt tại phiên tòa. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Cu Đ tự tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng thì hai người về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 07/2010, không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn do gia đình bà không đồng ý cho bà kết hôn

với ông Đ. Sau đó bà và ông Đ về ở chung với cha mẹ ông Đ tại xã P, huyện P, tỉnh A được 08 tháng thì tiếp tục quay về ấp Ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh L sinh sống. Đến tháng 04/2011 bà L sinh con thì gia đình mới chấp nhận ông Đ là con cái trong gia đình, nhưng giữa bà với ông Đ vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên khi bà L làm giấy khai sinh cho con thì ghi tên bà L và lấy họ của ông Đ. Thời gian hai người chung sống với nhau thì hai vợ chồng phụ gia đình vợ bán hàng hóa được 03 năm thì hai vợ chồng mở quán bán riêng, tuy nhiên ông Đ vẫn còn phụ mẹ ruột của bà L bán hàng. Quá trình sống chung với nhau hạnh phúc được hơn 01 năm, sau khi bà L sanh con được 05 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ thường xuyên nhậu về chửi bới vợ, thậm chí đánh nhau với cả mấy anh em bên vợ. Khi con được ba tuổi bị bệnh bà L phải đưa đi điều trị, thì ở nhà ông Đ quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 11/2018 bà bị ông Đ đánh nên đã về nhà chị ruột ở, đến tháng 02/2019 ông Đ đi làm ăn, nên bà đã về nhà tiếp tục buôn bán, nhưng ngày 02/4/2019 ông Đ về tiếp tục nhậu và kiếm chuyện chửi bới bà. Hiện nay bà L thấy thực sự không còn tình cảm với ông Đ.

Về con cái: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2011. Hiện con chung đang ở với bà.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trước phiên tòa hôm nay bà Lê Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Cu Đ. Con cái yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung bà L không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Cu Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2019 ông Đ khai: Ông và bà L quen biết khoảng 4-5 tháng thì bà L có bầu, nên hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2010, không đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức đám cưới. Hai vợ chồng thuê đất và gia đình vợ cất cho căn nhà bằng cây để hai vợ chồng sống chung với nhau ở tại ấp Ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh L. Hai vợ chồng sống bằng nguồn thu nhập từ việc ông Đ phụ mẹ vợ bán hàng, còn bà L thì phụ chị gái bán hàng, nên hai vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến khoảng giữa tháng 01/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ đi nhậu về hiêu lăm bà L nhắn tin cho người con trai khác, nên ông Đ đã đánh bà L một bạt tay. Sau đó bà L đã báo Công an xã xử phạt hành chính ông Đ số tiền 200.000đ và tạm giữ một đêm. Hai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2011, nhưng trong khai sinh chỉ có tên mẹ và lấy họ của ông Đ, vì hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn. Theo ông Đ thì ông còn tình cảm vợ chồng với bà L, nên ông không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ để chăm sóc con chung vì cháu Hạnh Tr bị bệnh động kinh.

Kết quả xác minh của Tòa án cho thấy: Bà L và ông Đ chấp hành tốt các qui định của pháp luật, không có vi phạm gì. Bà L thì buôn bán quán nước, còn ông Đ làm thuê. Bà L và ông Đ chỉ đăng ký tạm trú tại địa phương. Sự việc mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ thì Chính quyền địa phương không nắm được, vì không ai trình báo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn thì chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án còn giao chậm thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và Tòa án đã kịp thời khắc phục.

Về nội dung vụ án: Bà L và ông Nguyễn Cu Đ xác lập quan hệ vợ chồng không đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, hai ông bà có với nhau 01 con chung. Theo lời trình bày của bà L thì thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, Từ tháng 11/2018 bà bị ông Đ đánh do ghen tuông vô cớ, nên đã về nhà chị ruột ở. Trước phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2019 ông Đ đã khai giống với lời trình bày của bà L về quá trình hai người tìm hiểu, chung sống với nhau, về con chung và về nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng ông Đ không đồng ý ly hôn. Xét thấy bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2010, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố bà Lê Ngọc L với ông Nguyễn Cu Đ không phải là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Hạnh Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2011 hiện đang do bà L nuôi dưỡng chăm sóc. Bà L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao con chung cho bà L nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Cu Đ có nơi cư trú ấp Gò Châu Mai, xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Cu Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2010. Quá trình chung sống với nhau bà L và ông Đ đều khai hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2018 do ông Đ hiếp dâm bà nhắn tin điện thoại cho người

khác, nên ông Đ đã đánh bà L 1 bạt tay. Bà L cho rằng không còn tình cảm với ông Đ nên xin ly hôn, còn ông Đ thì còn thương bà L nên xin đoàn tụ. Xét thấy việc ông Đ và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2010, không đăng ký kết, nên đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà L là không phù hợp, mà cần phải tuyên bố bà Lê Ngọc L và ông Nguyễn Cu Đ không phải là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ông Đ thừa nhận cháu Nguyễn Thị Hạnh Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2011 là con chung của ông Đ và bà L. Hiện cháu Tr đang sống chung với mẹ và cháu yêu cầu nếu ba mẹ ly hôn thì được sống với mẹ. Hơn nữa bà L cũng yêu cầu được nuôi con chung và bà có mức thu nhập ổn định từ công việc bán quán nước, nên giao con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: do ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục chung khi có đương sự yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ và bà L đều xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 9, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Ngọc L và ông Nguyễn Cu Đ là vợ chồng.

2. Về con cái: Giao con chung Nguyễn Thị Hạnh Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2011 cho bà Lê Ngọc L nuôi dưỡng chăm sóc. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng, nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004299 ngày 22/01/2019 sang tiền án phí. Nên bà L không phải nộp tiếp tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự.
- UBND xã Khánh Hưng, H. Vĩnh Hưng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Thiệu